

CÔNG TY CP TV- TM – DV ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
31-33-35 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
MST : 0302087938
....o0o....

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN –
THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ
ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,841,621,871,468	1,527,992,043,031
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	11,868,165,941	11,151,133,847
Tiền	111		11,868,165,941	11,151,133,847
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	406,208,853,920	206,210,502,884
Đầu tư ngắn hạn	121		406,208,853,920	206,210,502,884
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		823,615,549,416	710,439,702,498
Phải thu khách hàng	131	4.3	216,152,682,066	210,295,513,753
Trả trước cho người bán	132	4.4	412,911,297,186	384,048,618,505
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	210,856,167,074	132,400,167,150
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(16,304,596,910)	(16,304,596,910)
Hàng tồn kho	140	4.6	561,927,616,407	563,856,665,344
Hàng tồn kho	141		561,927,616,407	563,856,665,344
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		38,001,685,784	36,334,038,458
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		582,381,760	844,415,069
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.18	31,400,704,571	30,023,901,231
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	6,018,599,453	5,465,722,158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		878,268,375,327	1,167,337,292,111
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
Phải thu nội bộ dài hạn	213			
Phải thu dài hạn khác	218			
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
Tài sản cố định	220		6,912,755,635	7,628,950,935
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	5,149,020,286	5,848,165,284
Nguyên giá	222		15,241,163,258	15,210,163,258
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,092,142,972)	(9,361,997,974)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225			
Giá trị hao mòn lũy kế	226			
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	85,251,491	102,301,793
Nguyên giá	228		170,503,000	170,503,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85,251,509)	(68,201,207)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	1,678,483,858	1,678,483,858
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		861,231,163,267	1,151,494,324,303
Đầu tư vào công ty con	251		-	114,400,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.11	556,103,925,279	511,623,925,279
Đầu tư dài hạn khác	258	4.12	306,117,711,161	526,460,872,197
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(990,473,173)	(990,473,173)
Tài sản dài hạn khác	260		10,124,456,425	8,214,016,873
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	1,518,183,424	1,936,445,457
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8,606,273,001	6,277,571,416
Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,719,890,246,795	2,695,329,335,142

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

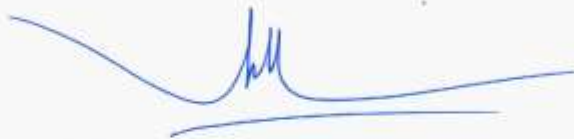
	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1,969,244,357,105	1,960,438,351,229
Nợ ngắn hạn	310		1,631,623,673,037	1,800,476,728,763
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	98,962,000,000	184,972,000,000
Phải trả cho người bán	312	4.16	385,953,619,234	417,766,074,300
Người mua trả tiền trước	313	4.17	593,318,882,910	659,896,130,146
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.18	47,027,439,908	47,937,964,609
Phải trả công nhân viên	315		2,515,898,593	1,478,580,154
Chi phí phải trả	316	4.19	228,390,989,040	167,881,987,537
Phải trả nội bộ	317			
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	275,454,843,352	320,543,992,017
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
Nợ dài hạn	330		337,620,684,068	159,961,622,466
Phải trả dài hạn người bán	331			
Phải trả dài hạn nội bộ	332			
Phải trả dài hạn khác	333	4.21	217,960,684,068	139,961,622,466
Vay và nợ dài hạn	334	4.15	119,660,000,000	20,000,000,000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
Dự phòng phải trả dài hạn	337			
Doanh thu chưa thực hiện	338			
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		750,645,889,690	734,890,983,913
Vốn chủ sở hữu	410	4.22	750,645,889,690	734,890,983,913
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		600,000,000,000	400,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412			
Vốn khác của chủ sở hữu	413			
Cổ phiếu quỹ	414			
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
Quỹ đầu tư phát triển	417			
Quỹ dự phòng tài chính	418			
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
Lợi nhuận chưa phân phối	420		150,645,889,690	334,890,983,913
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,719,890,246,795	2,695,329,335,142

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



LÂM VĂN LỘC
Kế toán trưởng



TS. TRƯƠNG ANH TUẤN
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2012

06/07/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		79,263,932,878	15,909,647,030	93,716,813,717	35,885,081,696
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		69,007,265	3,342,739,811	69,007,265	6,341,789,336
Doanh thu thuần	10	5.1	79,194,925,613	12,566,907,219	93,647,806,452	29,543,292,360
Giá vốn hàng bán	11	5.2	49,882,147,110	10,896,173,926	59,662,862,450	19,545,835,037
Lợi nhuận gộp	20		29,312,778,503	1,670,733,293	33,984,944,002	9,997,457,323
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	16,013,587,883	51,417,471,652	38,290,343,596	69,605,412,889
Chi phí tài chính	22	5.4	24,057,230,407	22,761,333,029	38,688,523,550	32,969,972,424
Trong đó: chi phí lãi vay	23		24,045,105,107	13,828,767,392	38,676,398,250	23,913,906,787
Chi phí bán hàng	24	5.5	3,552,546,443	7,688,194,494	7,518,125,940	12,884,739,922
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	8,285,970,176	11,431,613,835	15,371,377,952	19,942,211,395
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9,430,619,360	11,207,063,587	10,697,260,156	13,805,946,471
Thu nhập khác	31	5.7	217,851,707	334,412,847	1,045,219,006	977,110,458
Chi phí khác	32	5.8	100,000,000	44,521,121	485,839,527	44,521,121
Lợi nhuận khác	40		117,851,707	289,891,726	559,379,479	932,589,337
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,548,471,067	11,496,955,313	11,256,639,635	14,738,535,808
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	2,974,609,600	3,226,861,087	3,376,166,117	4,157,892,614
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2,328,701,585)	-	(2,328,701,585)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,902,563,052	8,270,094,226	10,209,175,103	10,580,643,194



LÂM VĂN LỘC
Kế toán trưởng




TS. TRƯƠNG ANH TUẤN
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

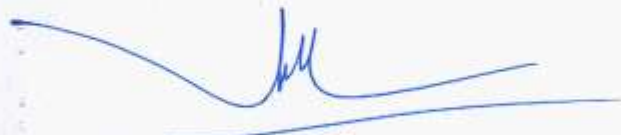
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11,256,639,635	11,496,955,313
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		747,195,300	366,473,989
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(710,063,600)	-
- Chi phí lãi vay	06		38,676,398,250	13,828,767,392
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49,970,169,585	25,692,196,694
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(115,105,527,553)	(176,710,826,523)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,929,048,937	(2,710,337,729)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22,828,494,485)	86,953,303,128
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		680,295,342	142,181,297
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,872,333,332)	(13,828,767,392)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	14,295,682
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(87,226,841,506)	(80,447,954,843)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31,000,000)	(43,359,091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(205,190,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90,470,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	78,784,374,647
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		710,063,600	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		90,943,873,600	78,741,015,556

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)				LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	210,857,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,000,000,000)	(2,077,074,372)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,000,000,000)	(1,866,217,372)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		717,032,094	(3,573,156,659)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11,151,133,847	5,259,444,183
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11,868,165,941	1,686,287,524


LÂM VĂN LỘC
 Kế toán trưởng


TS. TRƯƠNG ANH TUẤN
 Tổng giám đốc
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (“Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006259 ngày 23 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0302087938 đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 10 tháng 07 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 286-288 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Q. Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty/chỉ nhánh

Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân tại Cần Thơ
Trung tâm giao dịch bất động sản Hoàng Quân

Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại
Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân

Địa chỉ

606 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận
5, TP. Hồ Chí Minh
286 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11,
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
270 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11,
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
47 Nguyễn Văn Linh, phường Tân
Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
27-28 Quang Trung, P. Phú Thứ, Quận
Cái Răng, TP. Cần Thơ
31-33-35 Hàm Nghi, Phường Nguyễn
Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
47C/2 ấp 2 xã An Phú Tây, Bình
Chánh, TP. Hồ Chí Minh
97-99 Phạm Thái Bường, P.4, TP Vĩnh
Long
552B Trần Hưng Đạo, Tp. Phan Thiết,
Tỉnh Bình Thuận
Tỉnh lộ 25B Phường Thạnh Mỹ Lợi,
Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Trong sáu tháng đầu năm 2012, hoạt động chủ yếu của Công ty là đầu tư bất động sản, đầu tư tài chính vào công ty liên kết và các hoạt động đầu tư giáo dục, xây dựng dân dụng; san lấp mặt bằng; kinh doanh nhà; dịch vụ môi giới nhà đất; dịch vụ quảng cáo thương mại; tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý); dịch vụ sân giao dịch bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản; môi giới bất động sản; dịch vụ đầu giá bất động sản, định giá bất động sản.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 121 người.

Theo Quyết định của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 12 tháng 10 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: HQC
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND

Và ngày 20 tháng 10 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi dự phòng nợ khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa bất động sản là giá trị quyền sử dụng đất hoặc giá trị xây dựng nhà liên quan đến các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

3.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

3.9 Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ, tiền bảo hiểm... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn dùng để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa nhà, chi phí sửa xe, công cụ dụng cụ,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

3.13 Doanh thu

Doanh thu bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có biên bản bàn giao nền hoặc nhà.

Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc khách hàng xác nhận đã hoàn thành trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu dịch vụ chủ yếu là môi giới, chuyển quyền sử dụng đất, quảng cáo và dịch vụ khác được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

3.14 Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty CP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	Vĩnh Long	Công ty liên quan
Công ty CP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty liên quan
Công ty CP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận	Bình Thuận	Công ty liên quan
Công ty CP Việt Kiến Trúc	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty CP Thẩm Định Giá Hoàng Quân	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty CP Đầu tư Nam Quân	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty CP Cảng Bình Minh	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	TPHCM	Công ty liên quan
Trường Trung học Tư thực Kinh tế kỹ thuật Tây Nam Á	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty CP Bất Động sản Kiên Quân	TPHCM	Công ty liên quan
Công ty CP xây dựng và kinh doanh nhà Bình Thuận	TPHCM	Công ty liên quan

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ	11.198.451.861	4.600.000.253
Tiền gửi ngân hàng	669.714.080	6.551.133.594
	11.868.165.941	11.151.133.847

4.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Cho vay ngắn hạn – Các nhân sự chủ chốt	-	64.550.000.000
Cho vay ngắn hạn – bên liên quan	264.548.351.036	-
Cho vay ngắn hạn – Các cá nhân khác	141.660.502.884	141.660.502.884
	406.208.853.920	206.210.502.884

4.3 Các khoản phải thu thương mại

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thương mại - bên liên quan	16.363.273.678	26.651.635.166
Phải thu thương mại - bên thứ ba	199.789.408.388	183.643.878.587
	216.152.682.066	210.295.513.753

4.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước cho người bán – bên liên quan	95.597.965.353	120.577.992.023

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Trả trước cho người bán – bên thứ ba	317.313.331.833	263.470.626.482
Giá gốc	412.911.297.186	384.048.618.505
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.489.077.196)	(6.489.077.196)
Giá trị thuần	406.422.219.990	377.559.541.309

4.5 Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT của tiền ứng kinh doanh bất động sản chưa xuất hóa đơn	18.626.144.614	18.626.144.614
Phải thu khác – bên liên quan	59.534.428.249	43.500.360.456
Phải thu khác – nhân sự chủ chốt	6.221.250.000	47.656.880.513
Phải thu khác	126.474.344.211	22.616.781.567
Giá gốc	210.856.167.074	132.400.167.150
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(9.815.519.714)	(9.815.519.714)
Giá trị thuần	201.040.647.360	122.584.647.436

4.6 Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:		
- Chi phí công trình xây dựng	79.571.855.014	77.321.289.411
- Chi phí đầu tư dự án	59.737.730.564	63.917.345.104
Hàng hóa	113.014.066	113.014.066
Hàng hóa bất động sản	422.505.016.763	422.505.016.763
Cộng giá gốc hàng tồn kho	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	561.927.616.407	563.856.665.344

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng cho nhân sự chủ chốt	757.528.208	685.851.691
Tạm ứng cho các nhân viên khác	5.261.071.245	4.779.870.467
	6.018.599.453	5.465.722.158

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2012	106.412.576	12.978.300.635	2.125.450.047	15.210.163.258
Tăng trong năm	-	-	31.000.000	31.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2012	106.412.576	12.978.300.635	2.156.450.047	15.241.163.258

Giá trị hao mòn lũy kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Vào ngày 01/01/2012	28.444.421	7.660.847.908	1.672.705.645	9.361.997.974
Khấu hao tăng	-	593.574.948	136.570.050	730.144.998
Khấu hao giảm				
Vào ngày 30/06/2012	28.444.421	8.254.422.856	1.809.275.695	10.092.142.972
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2012	77.968.155	5.317.452.727	452.744.402	5.848.165.284
Vào ngày 30/06/2012	77.968.155	4.723.877.779	347.174.352	5.149.020.286

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2012	170.503.000	170.503.000
Tăng trong năm	-	-
Vào ngày 30/06/2012	170.503.000	170.503.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2012	68.201.207	68.201.207
Khấu hao trong năm	17.050.302	17.050.302
Vào ngày 30/06/2012	85.251.509	85.251.509
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2012	102.301.793	102.301.793
Vào ngày 30/06/2012	85.251.491	85.251.491

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí thi công văn phòng 27-28 Quang Trung ở chi nhánh Cần Thơ	1.518.223.791	1.518.223.791
Chi phí xây dựng khác	160.260.067	160.260.067
	1.678.483.858	1.678.483.858

4.11 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ năm giữ	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư Nam Quân	40%	70.400.000.000	114.400.000.000
Công ty CP TV – TM – DV Địa Ốc Hoàng Quân Mekong	40%	208.201.887.946	208.201.887.946
Công ty CP TV – TM DV Địa Ốc Hoàng Quân Cần Thơ	32%	37.901.104.000	43.901.104.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Công ty CP TV – TM DV Địa Ốc Hoàng Quân Bình Thuận	32%	78.080.000.000	97.600.000.000
Công ty Cổ Phần Việt Kiến Trúc	40%	5.813.333.333	5.813.333.333
Công ty TNHH Thẩm Định Giá Hoàng Quân	32%	1.600.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Kiên Quân	45%	154.107.600.000	154.107.600.000
Giá gốc		556.103.925.279	626.023.925.279
Dự phòng giảm giá Đầu tư vào Công ty Nam Quân		(990.473.173)	(990.473.173)
Giá trị thuần		555.113.452.106	625.033.452.106

4.12 Đầu tư dài hạn khác

	Số cổ phiếu đang nắm giữ	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Cổ phiếu chưa niêm yết			
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh	157	256.051.000	256.051.000
Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Bình Thuận	9.208	1.241.590.161	1.241.590.161
Công ty CP tư vấn xây dựng Kiên Giang	882.590	5.988.000.000	5.988.000.000
Công ty CP Du lịch Ninh Thuận	100.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán Gia Quyền	36.000	1.080.000.000	1.080.000.000
Công ty CP Đầu tư doanh nghiệp trẻ Việt Nam	210.888	2.108.880.000	2.108.880.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Phú Quốc	280.000	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Lạng Sơn	210.000	4.578.000.000	4.578.000.000
Công ty CP XNK Rong Đông Nam Á		100.000.000	-
Công ty CP Megasky		105.190.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác		286.860.000.000	507.408.351.036
		306.117.711.161	526.460.872.197

4.13 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	1.320.631.992	1.584.758.394
Chi phí công cụ dụng cụ, khác	197.551.432	351.687.063
	1.518.183.424	1.936.445.457

4.14 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	98.962.000.000	101.962.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	83.010.000.000
	98.962.000.000	184.972.000.000

4.15 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
--	-------------------	-------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Vay và nợ dài hạn – Ngân hàng Seabank	119.660.000.000	103.010.000.000
Trừ : Nợ dài hạn đến hạn trả	-	(83.010.000.000)
Số dư nợ vay	119.660.000.000	20.000.000.000
4.16 Phải trả người bán		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả người bán - bên liên quan	135.027.465.924	164.098.663.097
Phải trả người bán - bên thứ ba	250.926.153.310	253.667.411.203
	385.953.619.234	417.766.074.300
4.17 Người mua trả trước		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Người mua trả trước – bên liên quan	287.320.664.034	303.888.304.991
Người mua trả trước – bên thứ ba	305.998.218.876	356.007.825.155
	593.318.882.910	659.896.130.146
4.18 Thuế		
<i>Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ</i>		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	31.400.704.571	30.323.901.231
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra (*)	23.197.107.673	22.333.935.438
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.282.633.412	24.452.197.969
Thuế thu nhập cá nhân	1.547.698.823	1.151.831.202
	47.027.439.908	47.937.964.609
(*) Thuế GTGT đầu ra : 23.197.107.673 đồng (trong đó số thuế GTGT đầu ra 18.304.117.839 đồng do áp dụng sai giá đất, Công ty kiến nghị lên Tổng cục thuế và Tổng Cục Thuế đã có quyết định số 1517/QĐ-TCT ngày 02/11/2011 yêu cầu Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh xem xét lại).		
4.19 Chi phí phải trả		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí dự án	214.727.342.166	156.692.503.556
Chi phí lãi vay	12.799.834.874	9.294.948.042
Chi phí thuê nhà	863.812.000	1.894.535.939
	228.390.989.040	167.881.987.537
4.20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Kinh phí công đoàn, BHYT và bảo hiểm thất nghiệp	1.002.359.414	376.403.835
Phải trả Công ty CP TV-ĐT và XD Kiên Giang	51.205.822.199	46.977.818.579
Phải trả khác – Các nhân sự chủ chốt	63.472.863.610	120.787.323.212
Phải trả khác - Công ty liên quan	157.927.871.348	151.343.277.400
Các khoản phải trả khác	1.845.926.781	1.059.168.991
	275.454.843.352	320.543.992.017

4.21 Phải trả dài hạn khác (*)

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Việt Kiến Trúc - Dự án chung cư Thanh Mỹ Lợi, quận 2	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Mekong- Dự án khu phi thuế quan, cảnh nhà ở trong khu kinh tế Định An, Trà Vinh.	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Mekong- Dự án chung cư Bình Trưng Đông, Quận 2	32.461.622.466	32.461.622.466
Công ty CP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Mekong- Khu đô thị và Đại học Đồng bằng sông Cửu Long	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải trả dài hạn khác – nhân sự chủ chốt	77.999.061.602	-
	217.960.684.068	139.961.622.466

4.22 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ (01/01/2012)	400.000.000.000			334.890.983.913	734.890.983.913
Lợi nhuận trong Quý I/2012	-			1.306.612.051	1.306.612.051
Lợi nhuận trong Quý II/2012	-			8.902.563.052	8.902.563.052
Tăng trong kỳ	200.000.000.000			(200.000.000.000)	0
Tăng khác	-			5.545.730.674	5.545.730.674
Số dư cuối kỳ (30/06/2012)	600.000.000.000			150.645.889.690	750.645.889.690

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0302087938 đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 10 tháng 07 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quý II/2012
VND

Quý II/2011
VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Doanh thu			
Doanh thu kinh doanh bất động sản	71.096.082.909		11.041.292.996
Doanh thu hoạt động xây dựng	7.568.732.727		2.865.862.326
Doanh thu bán hàng	-		1.506.811.080
Doanh thu dịch vụ	599.117.242		495.680.628
	79.263.932.878		15.909.647.030
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Giảm giá hàng bán	(69.007.265)		(3.342.739.811)
Doanh thu thuần	79.194.925.613		12.566.907.219
5.2 Giá vốn hàng bán			
	Quý II/2012		Quý II/2011
	VND		VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	47.785.783.474		8.493.481.189
Giá vốn hoạt động xây dựng	2.096.363.636		1.268.787.877
Giá vốn bán hàng hóa	-		1.133.904.860
	49.882.147.110		10.896.173.926
5.3 Doanh thu hoạt động tài chính			
	Quý II/2012		Quý II/2011
	VND		VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.288.966.783		22.176.447.787
Cổ tức, lợi nhuận được chia	608.121.100		484.459.118
Lãi bán cổ phiếu	40.000.000		17.924.292.020
Khác	76.500.000		10.832.272.727
	16.013.587.883		51.417.471.652
5.4 Chi phí tài chính			
	Quý II/2012		Quý II/2011
	VND		VND
Chi phí lãi vay	24.045.105.107		13.828.767.392
Khác	12.125.300		8.932.565.637
	24.057.230.407		22.761.333.029
5.5 Chi phí bán hàng			
	Quý II/2012		Quý II/2011
	VND		VND
Chi phí nhân viên	1.597.271.232		2.317.928.659
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	156.686.708		78.801.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.159.054		109.942.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.330.116.522		5.149.901.630
Chi phí bằng tiền khác	359.312.927		31.620.184
	3.552.546.443		7.688.194.494
5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp			
	Quý II/2012		Quý II/2011
	VND		VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.844.200.260		3.896.214.683

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chi phí đồ dùng văn phòng	258.879.167	346.708.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.345.720	256.531.792
Thuế, phí và lệ phí	66.464.033	44.275.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.567.375.654	4.662.627.252
Các chi phí khác	2.283.705.342	2.224.956.045
	8.285.970.176	11.431.613.835
5.7 Thu nhập khác	Quý II/2012	Quý II/2011
	VND	VND
Thu nhập khác	217.851.707	334.412.847
	217.851.707	334.412.847
5.8 Chi phí khác	Quý II/2012	Quý II/2011
	VND	VND
Chi phí khác	100.000.000	44.521.121
	100.000.000	44.521.121
5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý II/2012	Quý II/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.548.471.067	11.496.955.313
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.958.088.431	1.894.948.153
- Các khoản điều chỉnh giảm	608.121.100	484.459.118
Tổng thu nhập chịu thuế	11.898.438.398	12.907.444.348
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN ước tính phải nộp	2.974.609.600	3.226.861.087
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.974.609.600	3.226.861.087


 Lâm Văn Lộc
 Kế toán trưởng


 TS. Trương Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2012